

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1147/2023/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu:

1. Ông Hoàng Ngọc S, sinh năm 1993;

Địa chỉ thường trú và cư trú: thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1996;

Địa chỉ thường trú: thôn U, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ cư trú: Tổ 93, Khu phố 13, phường H, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, ông S và bà H cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, ông S và bà H thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 12/5/2023. Ông S cư trú tại huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; bà H cư trú tại thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông S, bà H có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Căn cứ vào Điều 29, 35 và điểm h, Khoản 2 Điều 39

của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn yêu cầu của ông S và bà H được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông Hoàng Ngọc S và bà Lê Thị H chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 56 KH 2016 vào ngày 05/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Ông S và bà H xác định có 02 con chung là cháu Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/5/2017 và cháu Hoàng Bảo T, sinh ngày 23/12/2018. Ông S và bà H thỏa thuận giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung. Ông S và bà H xác định tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống ông S, bà H thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông S, bà H xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung.

Xét thấy ông S, bà H thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của ông S, bà H đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ, con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông S, bà H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Ngọc S và bà Lê Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông S và bà H xác định có 02 con chung là cháu Hoàng Bảo Nam, sinh ngày 22/5/2017 và cháu Hoàng Bảo Trâm, sinh ngày 23/12/2018. Ông S và bà H thỏa thuận giao cháu T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; tạm thời không ai cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông S và bà H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Ông S và bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Ngọc S và bà Lê Thị H mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng theo biên lai thu tiền số 0007572 ngày 08/5/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông S, bà

H đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ